

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2026/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150 /2025/QH15;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, hình thức, cách thức bố trí, quy chuẩn, trang thiết bị phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại để xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án và tổ chức hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự (sau đây gọi là Tòa án), trừ Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp, phiên hòa giải, đối thoại và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án, hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Chương II
PHÒNG XỬ ÁN

Điều 3. Phòng xử án

1. Phòng xử án gồm phòng xử án giám đốc thẩm, tái thẩm; phòng xử án sơ thẩm, phúc thẩm.

2. Phòng xử án sơ thẩm, phúc thẩm gồm phòng xử án hình sự; phòng xử án hành chính, dân sự và giải quyết các vụ việc khác; phòng giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản; phòng xử án thân thiện.

3. Phòng xử án hình sự là không gian tổ chức xét xử vụ án hình sự, trừ các vụ án hình sự được xét xử tại phòng xử án thân thiện.

4. Phòng xử án hành chính, dân sự và giải quyết các vụ việc khác là không gian tổ chức xét xử, giải quyết vụ án hành chính, dân sự; giải quyết việc dân sự; giải quyết tranh chấp trong vụ việc phá sản; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và giải quyết các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án, trừ các vụ án, vụ việc được xét xử tại phòng xử án thân thiện.

5. Phòng giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản là không gian giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, trừ việc giải quyết tranh chấp trong vụ việc phá sản.

6. Phòng xử án thân thiện là không gian tổ chức xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là bị cáo; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc.

Trường hợp cần thiết phải bảo vệ người chưa thành niên trong vụ án, việc hôn nhân và gia đình có người chưa thành niên tham gia thì có thể được xét xử, giải quyết tại phòng xử án thân thiện.

Điều 4. Nguyên tắc bố trí phòng xử án

1. Phòng xử án phải được bố trí theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 137 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và quy định tại Điều này.

2. Việc bố trí phòng xử án phải bảo đảm sự tôn nghiêm của Tòa án, thể hiện vị trí, vai trò trung tâm của Hội đồng xét xử, Thẩm phán; bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án; bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử; bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

3. Việc bố trí phòng xử án phải phù hợp với phương thức xét xử trực tiếp, trực tuyến hoặc xét xử trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Điều 5. Hình thức, cách thức bố trí phòng xử án

1. Phòng xử án phải được bố trí Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ở chính giữa, phía sau và ở trên vị trí của Hội đồng xét xử, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Hội đồng giải quyết các vụ việc khác, Tổ Thẩm phán giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp (sau đây gọi là Hội đồng, Thẩm phán).

2. Phòng xử án được bố trí hai bậc, trừ phòng xử án thân thiện. Bậc cao nhất là vị trí của Hội đồng, Thẩm phán; bậc thứ hai là vị trí của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia tố tụng và người tham dự phiên tòa, phiên họp.

3. Phòng xử án phải bảo đảm không gian để tiến hành phiên tòa, phiên họp; có ngăn cách giữa khu vực của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng với

khu vực của người tham dự phiên tòa, phiên họp; phải bố trí lối đi riêng của Hội đồng, Thẩm phán; lối đi của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp.

4. Sơ đồ vị trí của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Vụ án xét xử lưu động thì phòng xử án phải bố trí Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ở chính giữa, phía sau và ở trên vị trí của Hội đồng, Thẩm phán. Vị trí những người tiến hành tố tụng được bố trí ở vị trí trang trọng.

6. Vụ án hình sự có người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa thì được bố trí ngồi tại phòng cách ly hoặc khu vực ngăn cách với bị cáo sau màn che và sử dụng thiết bị điện tử hoặc các biện pháp bảo vệ khác để không ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên. Người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học (nếu có) được bố trí ngồi cạnh người chưa thành niên.

Điều 6. Quy chuẩn, trang thiết bị phòng xử án

1. Phòng xử án phải có Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bục dành cho Hội đồng, Thẩm phán; bảng nội quy phiên tòa, phiên họp; biển ghi chức danh của người tiến hành tố tụng, biển ghi tư cách của người tham gia tố tụng; hệ thống chiếu sáng, âm thanh, hình ảnh; thiết bị ghi âm, ghi hình, xác minh di động, kiểm soát ra vào và trang thiết bị cần thiết khác được thực hiện theo quy định tại mục A Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trang thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

3. Bảng nội quy phiên tòa, phiên họp có nền màu xanh, chữ màu trắng được treo bên ngoài cửa chính của phòng xử án; biển ghi chức danh của người tiến hành tố tụng có nền màu đỏ, chữ màu vàng; biển ghi tư cách của người tham gia tố tụng có nền màu xanh, chữ màu trắng.

Điều 7. Phòng xử án thân thiện

1. Vị trí của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa, phiên họp trong phòng xử án thân thiện được bố trí trên cùng một mặt phẳng.

2. Người chưa thành niên tham gia tố tụng tại phiên tòa, phiên họp được ngồi cạnh người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

3. Trang thiết bị phòng xử án thân thiện phải được thiết kế theo hình thức, kiểu dáng, màu sắc bảo đảm thân thiện với người chưa thành niên.

4. Ngoài các quy định tại Điều này, phòng xử án thân thiện phải bảo đảm quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 5 của Thông tư này.

Điều 8. Bố trí phòng xử án để tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến

1. Việc bố trí phòng xử án để tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến phải bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 136 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Điều 4 của Thông tư này và quy định của pháp luật về tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến.

2. Phiên tòa, phiên họp trực tuyến có thể được tổ chức tại phòng xử án quy định tại Điều 5 của Thông tư này nếu bảo đảm điều kiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc tại phòng xử án chuyên dùng để tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này (sau đây gọi là phòng xét xử trực tuyến).

3. Hình thức, cách thức bố trí, trang thiết bị phòng xét xử trực tuyến như sau:

a) Bố trí Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ở chính giữa, phía sau và ở trên vị trí của Hội đồng, Thẩm phán. Bố trí vị trí của Hội đồng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án tại điểm cầu trung tâm ở vị trí trang trọng;

b) Biển ghi chức danh của Hội đồng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và trang thiết bị khác dành cho Hội đồng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

c) Trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ xét xử trực tuyến, trình chiếu tài liệu, chứng cứ và trang thiết bị cần thiết khác để tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại mục C Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Tòa án nhân dân tối cao.

Chương III PHÒNG HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI

Điều 9. Nguyên tắc bố trí phòng hòa giải, đối thoại

Phòng hòa giải, đối thoại phải được bố trí thân thiện, gần gũi, tạo sự bình đẳng giữa các bên tham gia hòa giải, đối thoại, đương sự; bảo đảm điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, thương lượng trên tinh thần tự nguyện, thiện chí và bảo mật thông tin của các bên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hình thức, cách thức bố trí phòng hòa giải, đối thoại

1. Phòng hòa giải, đối thoại phải được bố trí trong không gian rộng phù hợp với số lượng người tham gia, bảo đảm trang trọng, riêng tư.

2. Vị trí của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hòa giải viên, các bên, đương sự, người khác tham gia hòa giải, đối thoại được bố trí trên cùng một mặt phẳng.

3. Sơ đồ vị trí của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hòa giải viên, các bên, đương sự, người khác tham gia hòa giải, đối thoại được thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Quy chuẩn, trang thiết bị phòng hòa giải, đối thoại

1. Phòng hòa giải, đối thoại phải có biển ghi chức danh Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hòa giải viên, biển ghi tư cách người tham gia hòa giải, đối thoại, đương sự; hệ thống chiếu sáng, âm thanh, hình ảnh và các trang thiết bị cần thiết khác được thực hiện theo quy định tại mục B Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Bên ngoài cửa phòng lắp đặt biển hiệu có dòng chữ “Phòng hòa giải, đối thoại”.

2. Trang thiết bị phòng hòa giải, đối thoại phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trường hợp tổ chức hòa giải, đối thoại trực tuyến thì phòng hòa giải, đối thoại phải bảo đảm điều kiện về trang thiết bị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 của Thông tư này.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân, Chánh án Tòa án quân sự trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Kinh phí để bố trí phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn hình thức và trang thiết bị phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại, phòng xét xử trực tuyến; bảo đảm kinh phí để tổ chức phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại, phòng xét xử trực tuyến.

4. Cục Công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn trang thiết bị công nghệ, hạ tầng số tại phòng xử án, phòng hòa giải, đối thoại, phòng xét xử trực tuyến.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) để có hướng dẫn kịp thời.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. *phuc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Tư pháp;
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC (để thực hiện);
- Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH TANDTC-P2).

CHÁNH ÁN



Nguyễn Văn Quảng

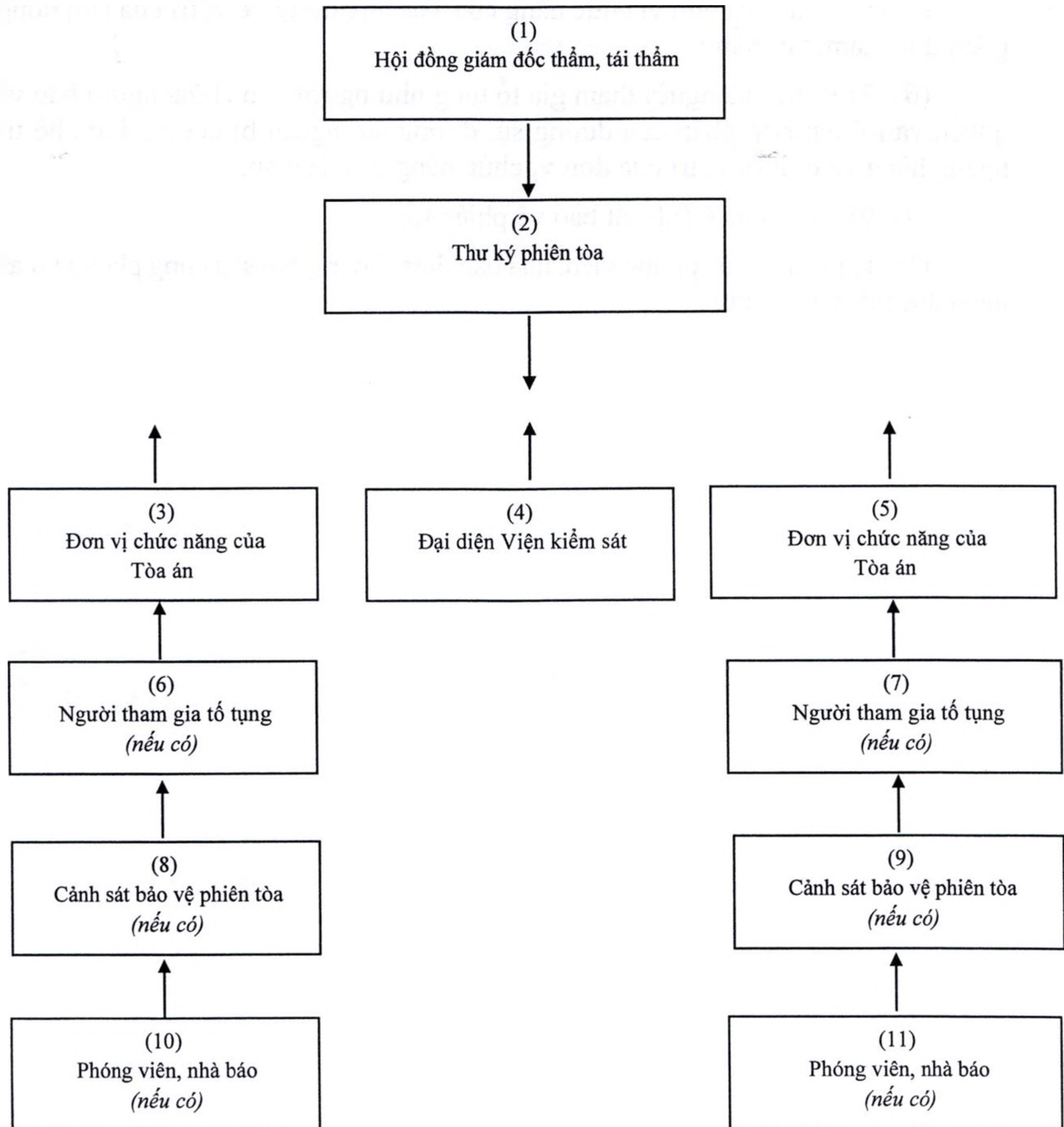


Phụ lục I

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI TIỀN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG, THAM DỰ PHIÊN TÒA, PHIÊN HỢP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-TANDTC ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

1. Phòng xử án giám đốc thẩm, tái thẩm



Mô tả:

(1) Vị trí của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm được bố trí trên bục cao nhất, phía dưới Quốc huy;

(2) Vị trí của Thư ký phiên tòa được bố trí dưới một cấp, quay lưng vào Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm;

(4) Vị trí của đại diện Viện kiểm sát được bố trí phía dưới và đối diện với vị trí của Thư ký phiên tòa;

(3) (5) Vị trí của đơn vị chức năng của Tòa án hướng về vị trí của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm;

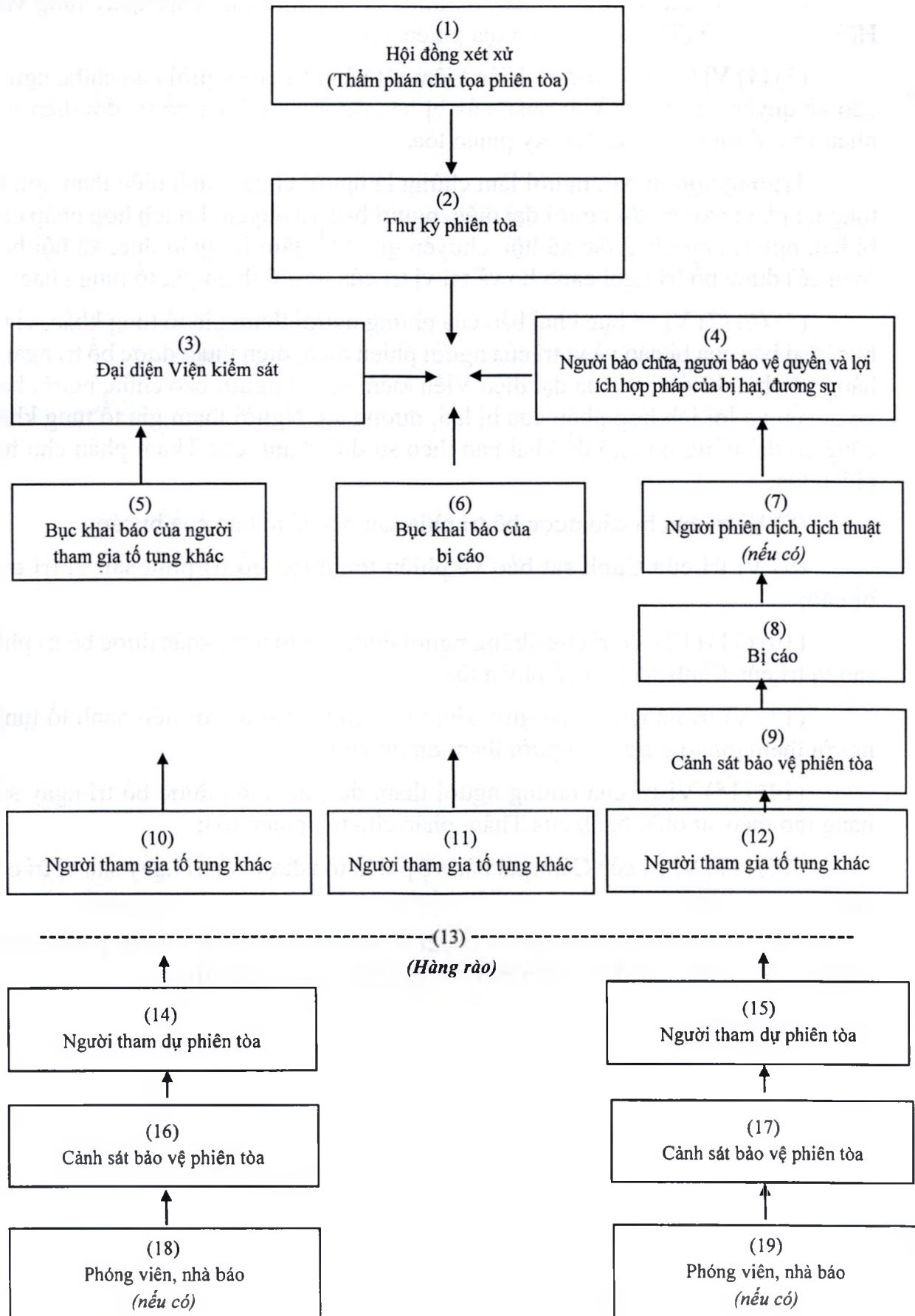
(6) (7) Vị trí của người tham gia tố tụng như người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự, người bị kết án được bố trí ngang hàng và ở dưới vị trí của đơn vị chức năng của Tòa án;

(8) (9) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa;

(10) (11) Vị trí của phóng viên, nhà báo được bố trí phía sau cùng phòng xử án giám đốc thẩm, tái thẩm.

2. Phòng xử án sơ thẩm, phúc thẩm

2.1. Phòng xử án hình sự



Mô tả:

(1) Vị trí của Hội đồng xét xử (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, nếu vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn) được bố trí trên bục cao nhất, phía dưới Quốc huy;

(2) Vị trí của Thư ký phiên tòa được bố trí dưới một cấp, quay lưng vào Hội đồng xét xử (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa);

(3) (4) Vị trí của đại diện Viện kiểm sát và vị trí của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự được bố trí đối diện với nhau và ở dưới vị trí của Thư ký phiên tòa;

Trường hợp bị hại, người làm chứng là người chưa thành niên tham gia tố tụng tại phòng xử án thì người đại diện, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học (nếu có) được bố trí ngồi cạnh họ và tại vị trí của người tham gia tố tụng khác;

(5) (6) (7) Vị trí bục khai báo của những người tham gia tố tụng khác, vị trí bục khai báo của bị cáo và vị trí của người phiên dịch, dịch thuật được bố trí ngang hàng và phía dưới vị trí của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Người tham gia tố tụng khác cũng có thể đứng tại chỗ để khai báo theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa;

(8) Vị trí của bị cáo được bố trí phía sau bục khai báo của bị cáo;

(9) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa được bố trí phía sau vị trí của bị cáo;

(10) (11) (12) Vị trí của những người tham gia tố tụng khác được bố trí phía sau vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa;

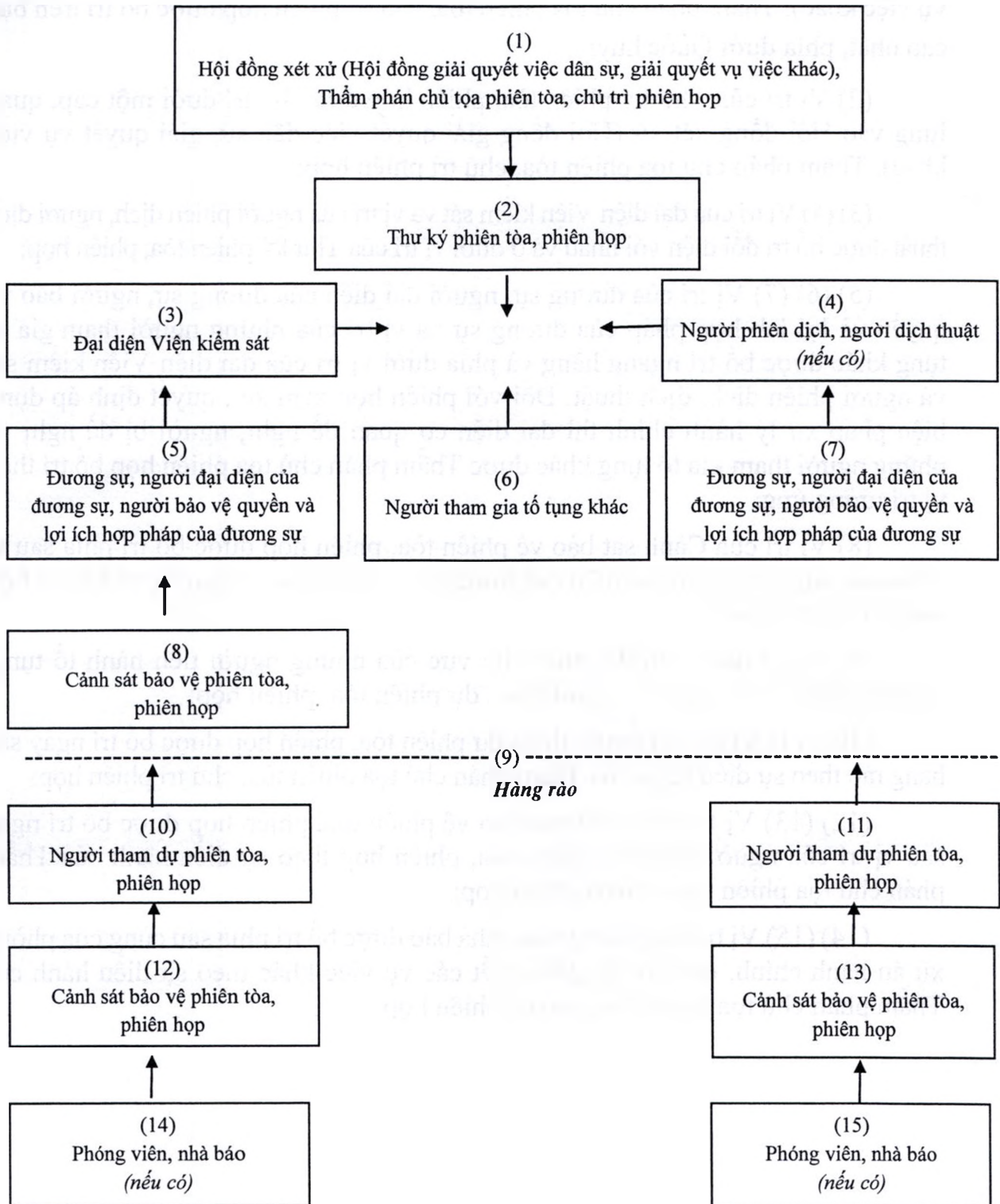
(13) Vị trí hàng rào đặt giữa khu vực của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng với người tham dự phiên tòa;

(14) (15) Vị trí của những người tham dự phiên tòa được bố trí ngay sau hàng rào theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa;

(16) (17) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa được bố trí ngay sau vị trí của người tham dự phiên tòa theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa;

(18) (19) Vị trí của phóng viên, nhà báo được bố trí phía sau cùng của phòng xử án hình sự theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

2.2. Phòng xử án hành chính, dân sự và giải quyết các vụ việc khác



Mô tả:

(1) Vị trí của Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự, giải quyết vụ việc khác), Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp được bố trí trên bục cao nhất, phía dưới Quốc huy;

(2) Vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp được bố trí dưới một cấp, quay lưng vào Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự, giải quyết vụ việc khác), Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(3) (4) Vị trí của đại diện Viện kiểm sát và vị trí của người phiên dịch, người dịch thuật được bố trí đối diện với nhau và ở dưới vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp;

(5) (6) (7) Vị trí của đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và vị trí của những người tham gia tố tụng khác được bố trí ngang hàng và phía dưới vị trí của đại diện Viện kiểm sát và người phiên dịch, dịch thuật. Đối với phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì đại diện cơ quan đề nghị, người bị đề nghị và những người tham gia tố tụng khác được Thẩm phán chủ tọa phiên họp bố trí theo vị trí tương ứng;

(8) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, phiên họp được bố trí phía sau vị trí của đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

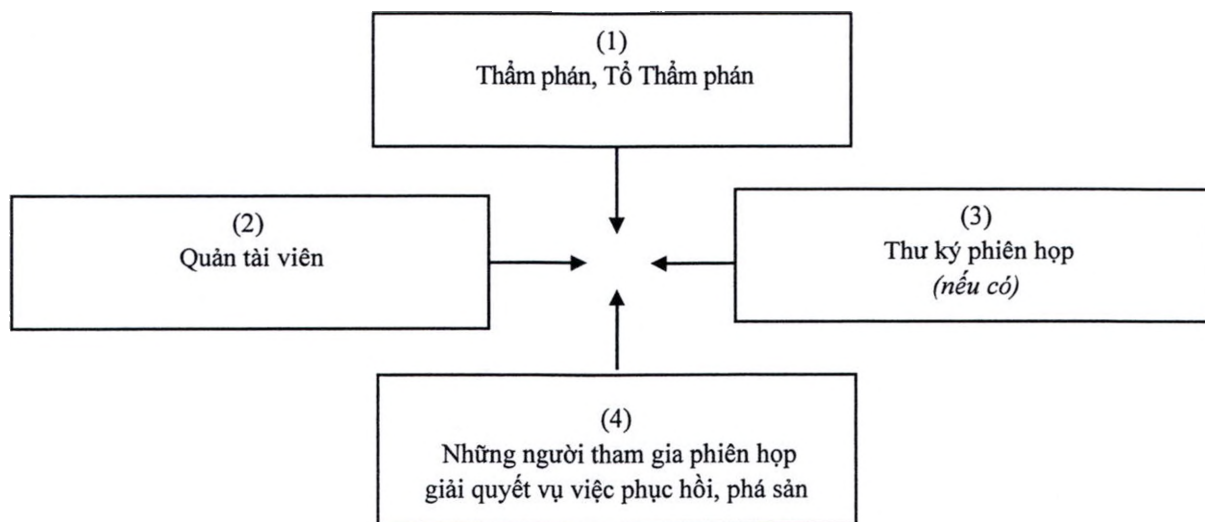
(9) Vị trí hàng rào đặt giữa khu vực của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng với người tham dự phiên tòa, phiên họp;

(10) (11) Vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp được bố trí ngay sau hàng rào theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(12) (13) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, phiên họp được bố trí ngay sau vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(14) (15) Vị trí của phóng viên, nhà báo được bố trí phía sau cùng của phòng xử án hành chính, dân sự và giải quyết các vụ việc khác theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp.

2.3. Phòng giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản



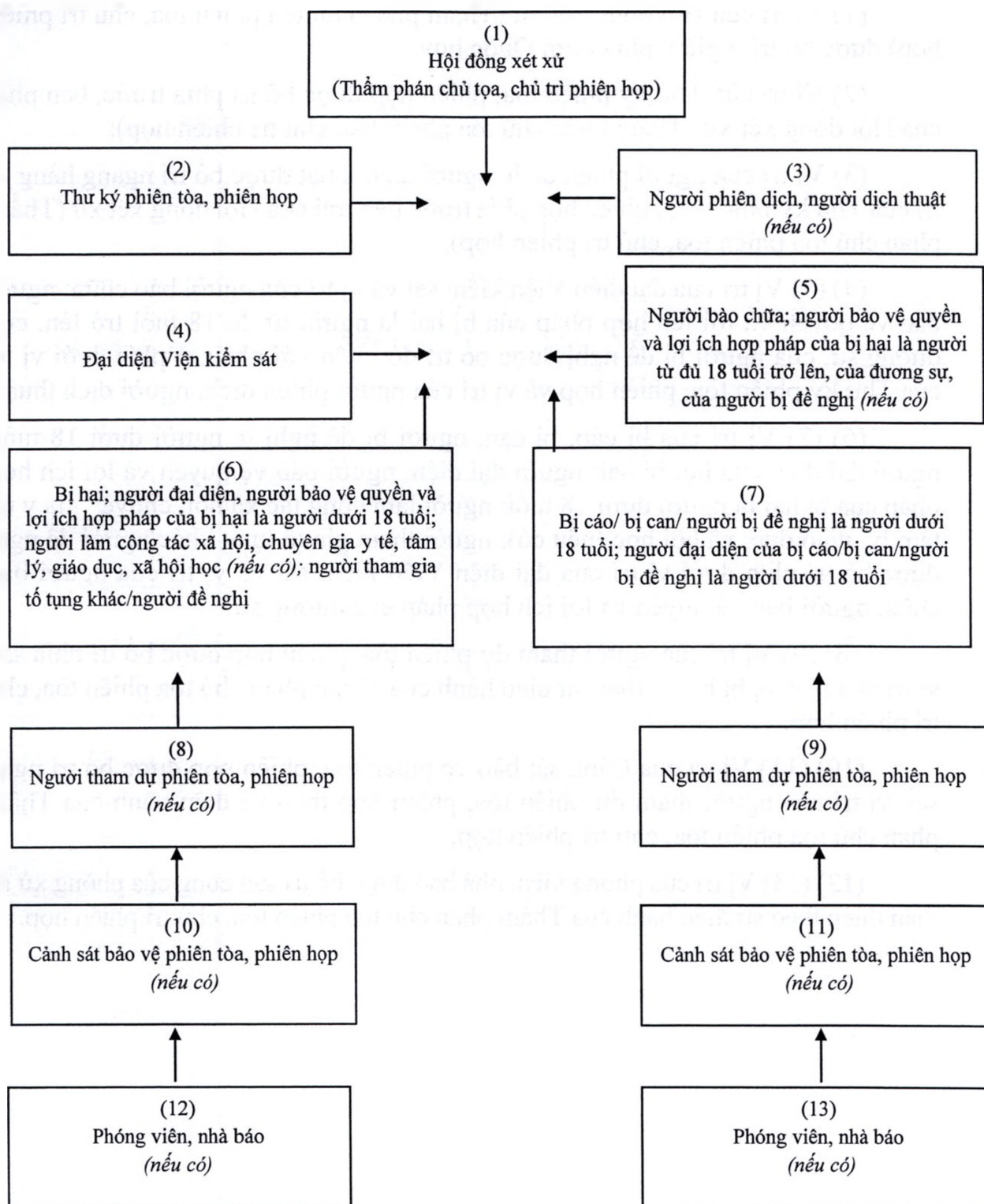
Mô tả:

(1) Vị trí Thẩm phán, Tổ Thẩm phán được bố trí trên bục cao nhất, phía dưới Quốc huy;

(2) (3) Vị trí của Quản tài viên và vị trí của Thư ký phiên họp được bố trí đối diện với nhau và ở dưới vị trí của Thẩm phán, Tổ Thẩm phán;

(4) Vị trí những người tham gia phiên họp giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản được Thẩm phán, Tổ Thẩm phán bố trí theo vị trí tương ứng ở phía dưới vị trí của Quản tài viên và Thư ký phiên họp (hàng thứ nhất là đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã; hàng thứ hai là người làm chứng, người giám định; hàng thứ ba là chủ nợ, người mắc nợ, người có liên quan...).

2.4. Phòng xử án thân thiện



Mô tả:

(1) Vị trí của Hội đồng xét xử (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp) được bố trí ở giữa, phía dưới Quốc huy;

(2) Vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp được bố trí phía trước, bên phải của Hội đồng xét xử (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp);

(3) Vị trí của người phiên dịch, người dịch thuật được bố trí ngang hàng vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp phía trước bên trái của Hội đồng xét xử (Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp);

(4) (5) Vị trí của đại diện Viện kiểm sát và vị trí của người bào chữa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là người từ đủ 18 tuổi trở lên, của đương sự, của người bị đề nghị được bố trí đối diện với nhau, ở phía dưới vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp và vị trí của người phiên dịch, người dịch thuật;

(6) (7) Vị trí của bị cáo, bị can, người bị đề nghị là người dưới 18 tuổi, người đại diện của họ; bị hại; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là người dưới 18 tuổi; người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học (nếu có); người tham gia tố tụng khác/người đề nghị được bố trí phía dưới vị trí của đại diện Viện kiểm sát và vị trí của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

(8) (9) Vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp được bố trí phía sau vị trí của bị cáo, bị hại... theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

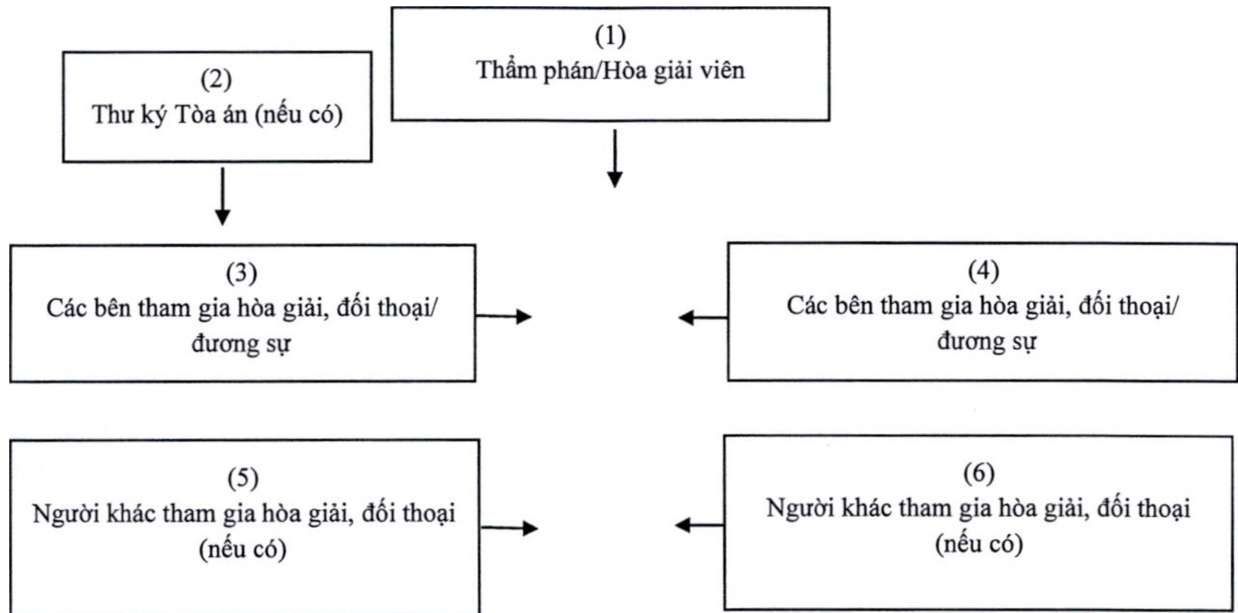
(10) (11) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, phiên họp được bố trí ngay sau vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(12) (13) Vị trí của phóng viên, nhà báo được bố trí sau cùng của phòng xử án thân thiện theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp.



Phụ lục II

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CỦA THẨM PHÁN, THƯ KÝ TÒA ÁN, HÒA GIẢI VIÊN,
CÁC BÊN, ĐƯƠNG SỰ, NGƯỜI KHÁC THAM GIA HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-TANDTC ngày 30 tháng 5 năm 2026
của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)



Mô tả:

- (1) Vị trí của Thẩm phán, Hòa giải viên;
- (2) Vị trí của Thư ký Tòa án;
- (3) (4) Vị trí của các bên tham gia hòa giải, đối thoại, đương sự;
- (5) (6) Vị trí người khác tham gia hòa giải, đối thoại (nếu có).



Phụ lục III

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ PHÒNG XỬ ÁN, PHÒNG HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-TANDTC ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

STT	LOẠI TRANG THIẾT BỊ
A. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ PHÒNG XỬ ÁN	
1	Quốc huy
2	Bục dành cho Hội đồng xét xử, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Tổ Thẩm phán giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp
3	Bảng nội quy phiên tòa, phiên họp
4	Biên ghi chức danh của người tiến hành tố tụng
5	Biên ghi tư cách người tham gia tố tụng
6	Thiết bị ghi âm, ghi hình
7	Máy tính
8	Hệ thống chiếu sáng, âm thanh, hình ảnh
9	Thiết bị xác minh di động, kiểm soát ra vào
10	Bàn
11	Ghế
12	Hàng rào ngăn cách
13	Trang thiết bị cần thiết khác
B. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ PHÒNG HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI	

1	Biển ghi chức danh Thẩm phán, Thư ký, Hòa giải viên, biển ghi tư cách người tham gia hòa giải, đối thoại, đương sự
2	Thiết bị ghi âm, ghi hình (được sử dụng theo quy định của pháp luật)
3	Máy tính
4	Hệ thống chiếu sáng, âm thanh, hình ảnh
5	Bàn
6	Ghế
7	Trang thiết bị cần thiết khác
C. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐỂ TỔ CHỨC PHIÊN TÒA, PHIÊN HỌP, HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TRỰC TUYẾN	
1	Hệ thống đường truyền
2	Thiết bị mạng
3	Thiết bị hiển thị hình ảnh
4	Hệ thống âm thanh
5	Thiết bị giải mã tín hiệu âm thanh, hình ảnh
6	Phần mềm truyền hình trực tuyến
7	Phần mềm hỗ trợ ghi biên bản phiên tòa
8	Thiết bị camera
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu
10	Thiết bị trình chiếu tài liệu, chứng cứ
11	Trang thiết bị cần thiết khác